

Hưng Yên, ngày 10 tháng 06 năm 2026

Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-VMK

NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vimarko;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vimarko ngày 10/06/2026;

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí quyết nghị thông qua nghị quyết của Đại hội với các nội dung chính như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2025

Điều 3: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Điều 4: Thông qua nội dung Tờ trình số 01/2026/Ttr-HĐQT-VMK V/v thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

Đại hội thông nhất thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 02/2026/Ttr-HĐQT-VMK V/v kế hoạch kinh doanh năm 2026, cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu                  | Giá trị         |
|---------------------------|-----------------|
| Vốn điều lệ (đồng)        | 167.690.980.000 |
| Doanh thu thuần (đồng)    | 60.370.450.796  |
| Lợi nhuận sau thuế (đồng) | 4.971.408.867   |
| Tỷ lệ cổ tức              | 6%              |

**Điều 6:** Thông qua nội dung Tờ trình số 03/2026/Ttr-HĐQT-VMK V/v phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể như sau:

| TT         | Nội dung                                         | Số tiền (đồng)       |
|------------|--------------------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:</b>        | <b>5.263.453.229</b> |
| 1          | Lợi nhuận các năm trước để lại                   | 743.990.623          |
| 2          | Năm 2025                                         | 4.519.462.606        |
| <b>II</b>  | <b>Kế hoạch phân phối lợi nhuận:</b>             | <b>4.745.971.200</b> |
| 1          | Chia cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu (6%/VĐL)      | 4.745.971.200        |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại:</b> | <b>517.482.029</b>   |

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 về việc trích lập quỹ đầu tư phát triển (2%), khen thưởng phúc lợi (1%) và dự phòng tài chính (1%) Công ty không trích lập trong năm 2025 để dành vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Điều 7:** Thông qua nội dung Tờ trình số 04/2026/Ttr-HĐQT-VMK V/v việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026.

**Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026**

| TT | Chức danh       | Số lượng | Kế hoạch thù lao năm 2026 (đồng/tháng/người) |
|----|-----------------|----------|----------------------------------------------|
| 1  | Chủ tịch HĐQT   | 01       | 4.000.000                                    |
| 2  | Thành viên HĐQT | 02       | 2.000.000                                    |
| 3  | Trưởng BKS      | 01       | 2.000.000                                    |
| 4  | Thành viên BKS  | 02       | 1.000.000                                    |

Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026 là: 144.000.000 đồng.

**Điều 8:** Thông qua nội dung Tờ trình số 05/2026/Ttr-HĐQT-VMK V/v các Nghị quyết HĐQT trong năm 2025 cần Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông.

Nghị quyết số 1103/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 11/03/2025 về kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu và phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết.





Nghị quyết số 1203/2025/NQ-HĐQT ngày 12/03/2025 thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Nghị quyết số 1303/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 13/03/2025 về kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Nghị quyết số 2003/2025/NQ-HĐQT ngày 20/03/2025 về việc thay đổi điều lệ Công ty và đăng ký kinh doanh năm 2025.

Nghị quyết số 260301/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 26/03/2025 về việc thay đổi phương án chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Quyết định số 2603/2025/QĐ-HĐQT ngày 26/03/2025 về việc quyết định mua nhà ở riêng lẻ ĐDD-105 tại Dự án Khu đô thị sinh thái Dream City xã Long Hưng, Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Nghị quyết số 2504/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 25/04/2025 về việc ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Nghị quyết số 1706/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 17/06/2025 về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Nghị quyết số 280701/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 28/07/2025 về việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Nghị quyết số 280702/2025/NQ-HĐQT ngày 28/07/2025 về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Nghị quyết số 280703/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 28/07/2025 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 và các vấn đề liên quan.

Nghị quyết số 1808/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 18/08/2025 về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2024 của Công ty Cổ phần Vimarko.

Nghị quyết số 1009/2025/NQ-HĐQT ngày 10/09/2025 về việc thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 của Công ty Cổ phần Vimarko.

Nghị quyết số 2209/2025/NQ-HĐQT ngày 22/09/2025 về việc đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

Nghị quyết số 0512/2025/QĐ-HĐQT ngày 05/12/2025 về việc ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Vimarko.

**Điều 9: Thông qua nội dung Tờ trình số 06/2026/Ttr-HĐQT-VMK V/v giao dịch với các bên liên quan.**

1. Chấp thuận giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, hợp tác, vay, cho vay, cấp bảo lãnh cho các đối tác là người nội bộ (thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế



toán trưởng), người có liên quan và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết (theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020) của Công ty năm 2026.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, chỉ đạo và giám sát việc ký kết, thực hiện các giao dịch trên phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 10: Thông qua nội dung Tờ trình số 07/2026/Ttr-BKS-VMK V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2026.**

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính trong năm 2026 của Công ty Cổ phần Vimarko như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG;

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể theo danh sách trên.

Trường hợp không thương lượng được với các công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên về thời gian triển khai, mức phí thực hiện thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập khác có tên trong danh sách được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt để thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính trong năm 2026 của Công ty Cổ phần Vimarko.

**Điều 11: Thông qua nội dung Tờ trình số 08/2026/Ttr-HĐQT-VMK V/v phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025.**

**Điều 12: Thông qua Tờ trình số 09/2026/Ttr-HĐQT-VMK V/v Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026.**

**Điều 13: Hiệu lực.**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông, Website Công ty;
- Các TV HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



NGUYỄN VĂN TOÀN



**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**V/v Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 và các vấn đề liên quan**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vimarko (“Công ty”);
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-VMK ngày 10/6/2026 của Công ty;
- Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng quản trị số 0810/2026/BB-HĐQT-VMK ngày 08/10/2026 của Công ty;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1: Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt theo tờ trình số 08/2026/Ttr-HĐQT-VMK ngày 10/6/2026.**

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vimarko
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại : 7.909.952 cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện tại : 79.099.520.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi chín tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 474.597 cổ phiếu
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025
- Tổng số giá trị phát hành dự kiến : 4.745.970.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)



- Số cổ phiếu lưu hành dự kiến sau phát hành : 8.384.549 cổ phiếu
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành : 83.845.490.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*)
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định
- Tỷ lệ phát hành : 6%
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:6. Theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức và cứ 100 quyền nhận sẽ được nhận thêm 6 cổ phiếu mới phát hành
- Nguồn vốn để trả cổ tức bằng cổ phiếu : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2025 theo số liệu tại BCTC kiểm toán năm 2025
- Chuyển nhượng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được chuyển nhượng quyền
- Điều kiện hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu phát hành thêm do trả cổ tức được tự do chuyển nhượng
- Phương thức phân phối : Đối với chứng khoán lưu ký: người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ phiếu trả cổ tức tại các Thành viên lưu ký nơi mở Tài khoản lưu ký chứng khoán.  
Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại trụ sở Công ty vào các ngày làm việc trong tuần.
- Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến trong Quý III-IV/2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
- Cam kết giao dịch trên thị trường chứng khoán: Công ty cam kết đưa cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch trên thị trường chứng khoán trong





thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc đợt phát hành.

- Phương án làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ:

Số lượng cổ phiếu chia cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, Cổ đông sở hữu 1.057 cổ phiếu, số cổ phiếu trả cổ tức được nhận tạm tính là  $1.057 \times 0,06 = 63,42$  cổ phiếu. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,42 cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được hủy bỏ. Như vậy cổ đông sẽ nhận được 63 cổ phiếu mới.

**Điều 2: Thông qua việc giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc thực hiện các công việc như sau:**

- Quyết định thời điểm phát hành và chọn ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức
- Thực hiện phương án xử lý cổ phiếu lẻ nêu trên;
- Cập nhật, bổ sung hồ sơ phát hành và các tài liệu liên quan đến việc đăng ký phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (nếu có);
- Tổ chức thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan để hoàn tất việc phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hưng Yên với số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức;
- Thực hiện việc sửa đổi các điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo đúng mức vốn điều lệ tăng thêm sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức và mọi vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện thủ tục thay đổi Đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch Đầu tư sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo quy định.
- Các công việc cần thiết khác có liên quan đến đợt phát hành.

**Điều 3: Điều khoản thi hành**

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký
- Các thành viên HĐQT, ban Tổng Giám đốc và các bộ phận/phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

**Nơi nhận:**

- TV HĐQT, TGD, BKS
- CBTT, b/cáo theo quy định;
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**NGUYỄN VĂN TOẢN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

---

**MỤC LỤC**

|                                               | Trang        |
|-----------------------------------------------|--------------|
| <b>1. Báo cáo của Ban Điều hành</b>           | <b>2 - 4</b> |
| <b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>           | <b>5 - 6</b> |
| <b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b> |              |
| - Bảng cân đối kế toán                        | 7 - 8        |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh        | 9            |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                  | 10           |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính           | 11 - 32      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Vimarko (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Vimarko là Công ty cổ phần được thành lập vào ngày 02/05/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108720772, đã đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 02/10/2025 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp.

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

**Hội đồng quản trị**

|                     |                                         |
|---------------------|-----------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Toàn | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16/06/2025)     |
| Ông Trần Quốc Tuấn  | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16/06/2025)   |
| Ông Đỗ Văn Tuấn     | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/06/2025) |
| Bà Hoàng Thị Ba     | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/06/2025)   |
| Bà Trần Thúy Loan   | Thành viên                              |

**Ban kiểm soát**

|                         |            |
|-------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Trưởng ban |
| Bà Lê Hải Yến           | Thành viên |
| Bà Phạm Thị Thanh Hương | Thành viên |

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

|                   |                                              |
|-------------------|----------------------------------------------|
| Ông Đỗ Văn Tuấn   | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/07/2025)   |
| Bà Hoàng Thị Ba   | Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/07/2025) |
| Bà Trịnh Tường Vi | Kế toán trưởng                               |

**2. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại: Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

**4. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Điều hành Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**7. Ý kiến của Ban Điều hành**

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**8. Các cam kết khác**

Ban điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Hưng Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**THAY MẶT BAN ĐIỀU HÀNH**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN VĂN TOÀN**



Số: 61/2026/BCKT/TTG.KD9

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Vimarko**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Vimarko được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Vimarko chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vimarko, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vimarko Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính tại ngày 06/03/2025.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF - TTG



**Nguyễn Ngọc Tú**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2305-2023-330-1

**Nguyễn Ngọc Sơn**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 5258-2026-330-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Đơn vị tính: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                            | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2025<br/>VND</b> | <b>01/01/2025<br/>VND</b> |
|-------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b>   |                    | <b>36.549.906.085</b>     | <b>20.555.212.821</b>     |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b>   | <b>5.1</b>         | <b>938.324.456</b>        | <b>4.092.037.217</b>      |
| Tiền                                      | 111          |                    | 938.324.456               | 4.092.037.217             |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b>   |                    | <b>25.439.581.961</b>     | <b>9.272.213.875</b>      |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131          | 5.3                | 25.146.232.159            | 9.165.221.187             |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132          | 5.4                | 293.349.802               | 104.230.000               |
| Phải thu ngắn hạn khác                    | 136          |                    | -                         | 2.762.688                 |
| <b>Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b>   | <b>5.5</b>         | <b>4.669.058.736</b>      | <b>2.779.023.120</b>      |
| Hàng tồn kho                              | 141          |                    | 4.669.058.736             | 2.779.023.120             |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b>   |                    | <b>5.502.940.932</b>      | <b>4.411.938.609</b>      |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151          | 5.2                | 97.150.618                | 32.521.857                |
| Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152          |                    | 5.405.790.314             | 4.379.416.752             |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>   |                    | <b>89.366.739.864</b>     | <b>69.972.919.816</b>     |
| <b>Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b>   |                    | <b>46.669.524.074</b>     | <b>49.116.491.378</b>     |
| Tài sản cố định hữu hình                  | 221          | 5.6                | 46.669.524.074            | 49.116.491.378            |
| - Nguyên giá                              | 222          |                    | 58.345.091.583            | 58.345.091.583            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                  | 223          |                    | (11.675.567.509)          | (9.228.600.205)           |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b>   | <b>5.7</b>         | <b>13.863.155.047</b>     | -                         |
| - Nguyên giá                              | 231          |                    | 13.863.155.047            | -                         |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>            | <b>240</b>   |                    | <b>28.612.280.153</b>     | <b>20.856.428.438</b>     |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242          | 5.8                | 28.612.280.153            | 20.856.428.438            |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b>   |                    | <b>221.780.590</b>        | -                         |
| Chi phí trả trước dài hạn                 | 261          | 5.2                | 221.780.590               | -                         |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b>   |                    | <b>125.916.645.949</b>    | <b>90.528.132.637</b>     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2025<br>VND      | 01/01/2025<br>VND     |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>41.896.479.560</b>  | <b>41.834.622.014</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>27.668.037.797</b>  | <b>21.896.617.919</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 5.9         | 21.476.664.390         | 13.311.019.830        |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 5.10        | 458.710.323            | 365.990.473           |
| Phải trả người lao động                         | 314        |             | 41.728.963             | -                     |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 5.3         | 63.458.211             | 210.045.284           |
| Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        |             | 2.269.814              | -                     |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | 5.11        | 5.625.206.096          | 8.009.562.332         |
| <b>Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>14.228.441.763</b>  | <b>19.938.004.095</b> |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                | 338        | 5.11        | 14.228.441.763         | 19.938.004.095        |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>84.020.166.389</b>  | <b>48.693.510.623</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>5.12</b> | <b>84.020.166.389</b>  | <b>48.693.510.623</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 79.099.520.000         | 38.850.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 79.099.520.000         | 38.850.000.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                            | 412        |             | (342.806.840)          | -                     |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 421        |             | 5.263.453.229          | 9.843.510.623         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 743.990.623            | 3.850.548.921         |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 4.519.462.606          | 5.992.961.702         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                           | <b>440</b> |             | <b>125.916.645.949</b> | <b>90.528.132.637</b> |

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trịnh Tường Vi

Trịnh Tường Vi



Nguyễn Văn Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                             | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>        | <b>01</b> | <b>6.1</b>  | <b>54.882.227.996</b> | <b>54.075.072.778</b> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        |             | -                     | -                     |
| <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> |             | <b>54.882.227.996</b> | <b>54.075.072.778</b> |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                              | <b>11</b> | <b>6.2</b>  | <b>47.597.141.922</b> | <b>44.709.479.667</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>7.285.086.074</b>  | <b>9.365.593.111</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | 6.3         | 4.366.025             | 195.625               |
| Chi phí tài chính                                    | 22        | 6.4         | 1.187.330.909         | 1.769.639.290         |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                     | 23        |             | 1.187.330.909         | 1.769.639.290         |
| Chi phí bán hàng                                     | 25        | 6.5         | 15.858.000            | 65.802.678            |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 26        | 6.5         | 1.052.745.974         | 1.123.036.194         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>30</b> |             | <b>5.033.517.216</b>  | <b>6.407.310.574</b>  |
| Chi phí khác                                         | 32        | 6.6         | 32.949.258            | 14.035.323            |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                | <b>40</b> |             | <b>(32.949.258)</b>   | <b>(14.035.323)</b>   |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>             | <b>50</b> |             | <b>5.000.567.958</b>  | <b>6.393.275.251</b>  |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                          | 51        | 6.7         | 481.105.352           | 400.313.549           |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>      | <b>60</b> |             | <b>4.519.462.606</b>  | <b>5.992.961.702</b>  |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | 70        | 6.9         | 692                   | 1.543                 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu                           | 71        | 6.9         | 692                   | 856                   |

Hưng Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trịnh Tường Vi



Trịnh Tường Vi



Nguyễn Văn Toàn



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)**Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025**Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu                                                                                       | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2025<br>VND         | Năm 2024<br>VND        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                 |           |             |                         |                        |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                                    | <b>01</b> |             | <b>5.000.567.958</b>    | <b>6.393.275.251</b>   |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                                |           |             |                         |                        |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                         | 02        |             | 2.446.967.304           | 2.472.622.194          |
| (Lãi) hoạt động đầu tư                                                                         | 05        |             | (4.366.025)             | (195.625)              |
| Chi phí lãi vay                                                                                | 06        |             | 1.187.330.909           | 1.769.639.290          |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                           | <b>08</b> |             | <b>8.630.500.146</b>    | <b>10.635.341.110</b>  |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        |             | (17.193.741.648)        | (5.940.783.846)        |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        |             | (1.890.035.616)         | (2.779.023.120)        |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        |             | 7.868.982.567           | 12.180.632.860         |
| Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12        |             | (286.409.351)           | 6.081.762              |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14        |             | (1.333.917.982)         | (1.710.481.610)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        |             | (390.531.572)           | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                           | <b>20</b> |             | <b>(4.595.153.456)</b>  | <b>12.391.767.156</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                     |           |             |                         |                        |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                 | 21        |             | (21.619.006.762)        | (2.778.689.193)        |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                                | 27        |             | 4.366.025               | 195.625                |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                               | <b>30</b> |             | <b>(21.614.640.737)</b> | <b>(2.778.493.568)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                                  |           |             |                         |                        |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                    | 31        |             | 31.150.000.000          | -                      |
| Tiền thu từ đi vay                                                                             | 33        |             | -                       | 2.300.000.000          |
| Tiền trả nợ gốc vay                                                                            | 34        |             | (8.093.918.568)         | (8.009.562.332)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                            | <b>40</b> |             | <b>23.056.081.432</b>   | <b>(5.709.562.332)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                         | <b>50</b> |             | <b>(3.153.712.761)</b>  | <b>3.903.711.256</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                        | <b>60</b> | <b>5.1</b>  | <b>4.092.037.217</b>    | <b>188.325.961</b>     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                        | 61        |             | -                       | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                       | <b>70</b> | <b>5.1</b>  | <b>938.324.456</b>      | <b>4.092.037.217</b>   |

*Hưng Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2026*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trịnh Tường Vi



Trịnh Tường Vi



Nguyễn Văn Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vimarko là Công ty Cổ phần được theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0108720772, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 02 tháng 10 năm 2025 do Sở tài chính tỉnh Hưng Yên cấp.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 79.099.520.000 đồng chia thành 7.909.952 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Sản xuất điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Khai thác gỗ;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở tại: Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| <i>Loại tài sản</i>               | <i>Thời gian sử dụng (năm)</i> |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc           | 10 - 25                        |
| - Máy móc, thiết bị               | 25                             |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03                             |

**4.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là Bất động đang trong quá trình hoàn thiện chưa đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí mua, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**4.6 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

#### **4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

#### **4.9 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là các khoản chi phí lãi vay, các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

#### **4.10 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

#### **4.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.13 Doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các hàng hóa và bán điện áp mái mặt trời,...

*Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

#### **4.15 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính.

#### **4.16 Thuế**

##### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng mức thuế suất 10% và 8%.

##### ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu (từ năm 2021 đến năm 2024), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo và thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười 15 năm kể từ năm 2021 đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới sản xuất điện năng lượng mặt trời theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về ưu đãi thuế TNDN.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### **4.17 Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**4.18 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4.19 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                   | 31/12/2025<br>VND  | 01/01/2025<br>VND    |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------|
| - Tiền mặt                        | 495.103.235        | 341.276.421          |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 443.221.221        | 3.750.760.796        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>938.324.456</b> | <b>4.092.037.217</b> |

**5.2 Chi phí trả trước**

|                        | 31/12/2025<br>VND  | 01/01/2025<br>VND |
|------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>        | <b>97.150.618</b>  | <b>32.521.857</b> |
| - Chi phí mua bảo hiểm | -                  | 29.049.708        |
| - Các khoản khác       | 97.150.618         | 3.472.149         |
| <b>Dài hạn</b>         | <b>221.780.590</b> | -                 |
| - Chi phí sửa chữa lớn | 221.780.590        | -                 |
| <b>Cộng</b>            | <b>318.931.208</b> | <b>32.521.857</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### 5.3 Phải thu của khách hàng

|                                                        | 31/12/2025            |                 | 01/01/2025           |                 |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                                                        | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
| <b>Ngắn hạn</b>                                        | <b>25.146.232.159</b> | -               | <b>9.165.221.187</b> | -               |
| - Công ty TNHH Thương mại Tư vấn C.H                   | 10.521.181.383        | -               | -                    | -               |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Đông Đô | -                     | -               | 2.858.212.550        | -               |
| - Công ty Cổ phần Kosy                                 | -                     | -               | 3.779.269.203        | -               |
| - Công ty TNHH Văn Phong Holding                       | 13.379.947.416        | -               | -                    | -               |
| - Phải thu khách hàng khác                             | 1.245.103.360         | -               | 2.527.739.434        | -               |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>25.146.232.159</b> | -               | <b>9.165.221.187</b> | -               |

#### 5.4 Trả trước cho người bán

|                                     | 31/12/2025         |                 | 01/01/2025         |                 |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                                     | Giá trị<br>VND     | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND     | Dự phòng<br>VND |
| <b>Ngắn hạn</b>                     | <b>293.349.802</b> | -               | <b>104.230.000</b> | -               |
| - Công ty Cổ phần Fitran Invest     | 196.555.000        | -               | -                  | -               |
| - Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha | -                  | -               | 87.500.000         | -               |
| - Trả trước cho người bán khác      | 96.794.802         | -               | 16.730.000         | -               |
| <b>Cộng</b>                         | <b>293.349.802</b> | -               | <b>104.230.000</b> | -               |

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.5 Hàng tồn kho

|                                                   | 31/12/2025     |                 | 01/01/2025     |                 |
|---------------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                                                   | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang               | -              | -               | 2.779.023.120  | -               |
| + Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang gỗ         | -              | -               | 2.669.894.416  | -               |
| + Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trồng rừng | -              | -               | 109.128.704    | -               |
| Thành phẩm                                        | 4.669.058.736  | -               | -              | -               |
| Cộng                                              | 4.669.058.736  | -               | 2.779.023.120  | -               |

5.6 Tài sản cố định hữu hình

|                        | Nhà cửa<br>vật kiến trúc |                 | Máy móc<br>thiết bị |                  | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn |     | Cộng |
|------------------------|--------------------------|-----------------|---------------------|------------------|---------------------------------------|-----|------|
|                        | VND                      | VND             | VND                 | VND              | VND                                   | VND |      |
| NGUYÊN GIÁ             |                          |                 |                     |                  |                                       |     |      |
| 01/01/2025             | 18.063.629.464           | 40.192.371.210  | 89.090.909          | 58.345.091.583   |                                       |     |      |
| - Mua trong năm        | -                        | -               | -                   | -                |                                       |     |      |
| 31/12/2025             | 18.063.629.464           | 40.192.371.210  | 89.090.909          | 58.345.091.583   |                                       |     |      |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ |                          |                 |                     |                  |                                       |     |      |
| 01/01/2025             | (2.615.090.090)          | (6.524.419.206) | (89.090.909)        | (9.228.600.205)  |                                       |     |      |
| - Khấu hao trong năm   | (839.272.457)            | (1.607.694.847) | -                   | (2.446.967.304)  |                                       |     |      |
| 31/12/2025             | (3.454.362.547)          | (8.132.114.053) | (89.090.909)        | (11.675.567.509) |                                       |     |      |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI        |                          |                 |                     |                  |                                       |     |      |
| 01/01/2025             | 15.448.539.374           | 33.667.952.004  | -                   | 49.116.491.378   |                                       |     |      |
| 31/12/2025             | 14.609.266.917           | 32.060.257.157  | -                   | 46.669.524.074   |                                       |     |      |

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 39.036.576.790 đồng (Tại ngày 01/01/2025 là 40.988.405.630 đồng).  
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 89.090.909 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 89.090.909 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.7 Bất động sản đầu tư

|                                          | 01/01/2025 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/12/2025     |
|------------------------------------------|------------|----------------|----------------|----------------|
|                                          | <u>VND</u> | <u>VND</u>     | <u>VND</u>     | <u>VND</u>     |
| Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá |            |                |                |                |
| NGUYỄN GIÁ                               | -          | -              | -              | -              |
| - Nhà và quyền sử dụng đất               | -          | 13.863.155.047 | -              | 13.863.155.047 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LỦY KẾ                   | -          | -              | -              | -              |
| - Nhà và quyền sử dụng đất               | -          | -              | -              | -              |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI                          | -          | 13.863.155.047 | -              | 13.863.155.047 |

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                                                                                                      | 31/12/2025     |                        | 01/01/2025     |                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------|----------------|------------------------|
|                                                                                                                      | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi |
|                                                                                                                      | <u>VND</u>     | <u>VND</u>             | <u>VND</u>     | <u>VND</u>             |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                                                                                      |                |                        |                |                        |
| - Dự án Hợp tác đầu tư trồng mô hình thực nghiệm cây được liệu dưới tán rừng trồng sản xuất, giai đoạn 2024-2034 (1) | 28.612.280.153 | 28.612.280.153         | 20.856.428.438 | 20.856.428.438         |
| + Công trình Biệt thự số A4-06A Khu đô thị Xanh Villas                                                               | 474.191.004    | 474.191.004            | -              | -                      |
| + Công trình Biệt thự số A4-06A Khu đô thị Xanh Villas (2)                                                           | 28.138.089.149 | 28.138.089.149         | 20.856.428.438 | 20.856.428.438         |
| + Xây dựng hoàn thiện công trình Biệt thự nhà vườn (3)                                                               | 19.054.988.623 | 19.054.988.623         | 19.054.988.623 | 19.054.988.623         |
|                                                                                                                      | 9.083.100.526  | 9.083.100.526          | 1.801.439.815  | 1.801.439.815          |
| Cộng                                                                                                                 | 28.612.280.153 | 28.612.280.153         | 20.856.428.438 | 20.856.428.438         |

(1) Dự án thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 57/2024/HĐ-BQL ngày 21/08/2024 về việc Trồng mô hình thực nghiệm cây được liệu dưới tán rừng trồng sản xuất, giai đoạn năm 2024-2034 giữa Công ty Cổ phần Vimarko và Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tây Hòa, chi tiết:

- Diện tích rừng trồng đưa vào trồng cây được liệu: 52,29 ha;

- Loài cây trồng rừng: Sao, Gõ, Hương;

- Địa điểm: khu vực Trùng Quán, khoảng 1,4, tiểu khu 363 – xã Hòa Mỹ Tây và khu suối Phèn, khoảng 2, tiểu khu 353 – xã Sơn Thành, tỉnh Đắk Lắk.

- Mục đích đầu tư: Trồng mô hình thực nghiệm cây được liệu dưới tán rừng trồng; cây được liệu là các loài cây bụi, cây thân thảo, nắm có đặc điểm sinh thái thích nghi với điều kiện tự nhiên của khu vực; không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển cây rừng trồng; có giá trị làm được liệu cao: cây Cà gai leo, nắm linh chi, nấm linh chi, sừng sáo và các loài có trong danh mục tại Quyết định 3657/QĐ-BYT ngày 20/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế;



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Thời gian hợp tác đầu tư: 10 năm (kể từ ngày 21/08/2024 đến ngày 21/08/2034);
  - Góp vốn:
    - + Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tây Hòa góp 251.269.000 đồng, tương đương 8,34% tổng khái toán;
    - + Công ty Cổ phần Vimarko góp vốn đầu tư các chi phí xây dựng và các chi phí liên quan còn lại: 2.760.660.000 đồng, tương đương 91,66% tổng khái toán.
  - Phân chia kết quả sản xuất: Sản phẩm được tính theo giá thu mua của nhà máy chế biến hoặc thương lái mua tại rừng. Doanh thu sau một lần thu hoạch sản phẩm được phân chia:
    - + Công ty Cổ phần Vimarko được hưởng 91% tổng doanh thu.
    - + Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Hòa được hưởng 09% tổng doanh thu.
- Số dư tại ngày 31/12/2025 là Bao gồm Chi phí tư vấn, thiết kế theo Hợp đồng tư vấn, thiết kế số 1409-2024/HĐTVTK-GSC-VMK ngày 14/09/2024 về việc Khảo sát, thiết kế kỹ thuật nhà bảo vệ và thiết kế kỹ thuật trồng cây được liệu thuộc Dự án Hợp tác đầu tư trồng mô hình thực nghiệm cây được liệu dưới tán rừng trồng sản xuất, giai đoạn 2024-2034.

- (2) Là công trình Biệt thự số A4-06A được xây dựng tại lô đất số A4-06A khu đô thị Xanh Villas theo Hợp đồng A4-06A/HĐMB/XC\_XLV ký ngày 30/07/2021 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu. Tổng giá bán biệt thự là 20.296.887.690 VND, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 17.797.527.690 VND, giá trị xây dựng là 2.499.360.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT). Giá trị thanh toán được chia thành các đợt, cụ thể:
- + Thanh toán đợt 1: 3.044.533.154 VND chậm nhất vào ngày ký kết hợp đồng.
  - + Thanh toán đợt 2: 3.044.533.154 VND không muộn hơn ngày 29/08/2021.
  - + Thanh toán đợt 3, 4, 5, 6: 2.029.688.769 VND mỗi hai tháng, với đợt 3 không muộn hơn ngày 28/10/2021.
  - + Thanh toán đợt 7: 5.074.221.923 VND giá trị biệt thự và 80.967.529 VND phí bảo trì chậm nhất vào ngày bàn giao biệt thự, dự kiến 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
  - + Thanh toán đợt cuối: 1.014.844.385 VND chậm nhất vào ngày bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp. Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Căn biệt thự được Công ty mua với mục đích làm Bất động sản đầu tư. Ngày 29/11/2022, Công ty Cổ phần Vimarko đã nhận bàn giao căn biệt thự theo Biên bản bàn giao số A4-06A/BBBG/XC-XVL ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu.
- Công trình đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch.
- (3) Hợp đồng kinh tế ngày 26 tháng 06 năm 2023 và phụ lục hợp đồng kinh tế ngày 28 tháng 06 năm 2024 ký với Công ty Cổ phần Fitran Invest về việc “Cung cấp vật tư và hoàn thiện công trình” của dự án biệt thự nhà vườn, địa điểm Khu đô thị Xanh Villas, Tiến Xuân, Thạch Thất, Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng là 8.745.000.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Ngày 22/01/2024, hai bên nghiệm thu giai đoạn 1 theo biên bản tổng hợp giá trị quyết toán số 2301/GTQT/FITIV-VMK với số tiền là 1.945.555.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Đến ngày 31/12/2025, hai bên đã nghiệm thu hoàn thành Hợp đồng kinh tế trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.9 Phải trả người bán**

|                                                           | 31/12/2025            |                       | 01/01/2025            |                       |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                           | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|                                                           | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>Ngắn hạn</b>                                           | <b>21.476.664.390</b> | <b>21.476.664.390</b> | <b>13.311.019.830</b> | <b>13.311.019.830</b> |
| - Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Thăng Long | 14.140.589.040        | 14.140.589.040        | -                     | -                     |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Kscons                         | 297.659.310           | 297.659.310           | 7.210.926.360         | 7.210.926.360         |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Nam Hà Nội         | 573.407.748           | 573.407.748           | 2.500.610.200         | 2.500.610.200         |
| - Công ty Cổ phần Giải pháp Sstech Việt Nam               | 6.315.008.292         | 6.315.008.292         | -                     | -                     |
| - Công ty TNHH Cơ khí và Tự động hóa Công nghiệp          | -                     | -                     | 2.741.663.188         | 2.741.663.188         |
| - Các đối tượng khác                                      | 150.000.000           | 150.000.000           | 857.820.082           | 857.820.082           |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>21.476.664.390</b> | <b>21.476.664.390</b> | <b>13.311.019.830</b> | <b>13.311.019.830</b> |

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                                          | 01/01/2025         |  | Số phải nộp trong năm |  | Số đã thực nộp trong năm |  | 31/12/2025         |  |
|------------------------------------------|--------------------|--|-----------------------|--|--------------------------|--|--------------------|--|
|                                          | VND                |  | VND                   |  | VND                      |  | VND                |  |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp</b>        |                    |  |                       |  |                          |  |                    |  |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 365.990.473        |  | 481.105.352           |  | 390.531.572              |  | 456.564.253        |  |
| - Thuế thu nhập cá nhân                  | -                  |  | 16.205.211            |  | 14.059.141               |  | 2.146.070          |  |
| - Các loại thuế khác                     | -                  |  | 6.000.000             |  | 6.000.000                |  | -                  |  |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                  |  | 30.505.348            |  | 30.505.348               |  | -                  |  |
|                                          | <b>365.990.473</b> |  | <b>533.815.911</b>    |  | <b>441.096.061</b>       |  | <b>458.710.323</b> |  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.11 Vay và nợ thuê tài chính**

| Nội dung                                                            | 31/12/2025            |                       | Trong năm            |                       | 01/01/2025            |                       |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                     | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                 | Giảm                  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                                                 |                       |                       |                      |                       |                       |                       |
| - Vay cá nhân                                                       | 5.625.206.096         | 5.625.206.096         | 5.709.562.332        | 8.093.918.568         | 8.009.562.332         | 8.009.562.332         |
| <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>                                      |                       |                       |                      |                       |                       |                       |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội (1)                | 5.625.206.096         | 5.625.206.096         | 5.709.562.332        | 5.793.918.568         | 2.300.000.000         | 2.300.000.000         |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (2) | 4.738.306.512         | 4.738.306.512         | 4.738.306.332        | 4.738.306.152         | 5.709.562.332         | 5.709.562.332         |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội (1)                | 886.899.584           | 886.899.584           | 971.256.000          | 1.055.612.416         | 4.738.306.332         | 4.738.306.332         |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (2) |                       |                       |                      |                       | 971.256.000           | 971.256.000           |
| <b>Vay dài hạn</b>                                                  |                       |                       |                      |                       |                       |                       |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội (1)                | 14.228.441.763        | 14.228.441.763        | -                    | 5.709.562.332         | 19.938.004.095        | 19.938.004.095        |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (2) | 4.434.860.764         | 4.434.860.764         | -                    | 4.738.306.332         | 9.173.167.096         | 9.173.167.096         |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội (1)                | 9.793.580.999         | 9.793.580.999         | -                    | 971.256.000           | 10.764.836.999        | 10.764.836.999        |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (2) |                       |                       |                      |                       |                       |                       |
| <b>Cộng</b>                                                         | <b>19.853.647.859</b> | <b>19.853.647.859</b> | <b>5.709.562.332</b> | <b>13.803.480.900</b> | <b>27.947.566.427</b> | <b>27.947.566.427</b> |

(1) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hà Nội theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 58609.20.882.7984579.TD ký ngày 02/11/2020: Phương thức cho vay từng lần dài hạn, hạn mức cho vay không vượt quá 11.000.000.000 VND với mục đích đầu tư hệ thống điện mặt trời mái nhà (pin, inverter, trạm biến áp, dây cáp điện, các vật tư phụ kiện kèm theo, các chi phí lắp đặt và các chi phí hợp lý khác...) tại Tổ dân phố Xoan, xã Đình Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Thời hạn cho vay tối đa 84 tháng, thời hạn ân hạn gốc tối đa 4 tháng. Lãi suất theo từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

- + Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty với Công ty điện lực địa phương.
- + Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay vốn.
- + Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cho vay số 64139.20.882.7984579.TD ký ngày 20/11/2020: Phương thức cho vay từng lần dài hạn, hạn mức cho vay không vượt quá 11.000.000.000 VND với mục đích đầu tư dự án điện mặt trời mái nhà tổng công suất 997 kWp tại Thôn Xuân Bình, xã Tuy An Tây, tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn cho vay tối đa 84 tháng, thời hạn ân hạn gốc: tối đa 4 tháng. Lãi suất theo từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

- + Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty với Công ty điện lực địa phương.
- + Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay vốn.
- + Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng cho vay số 4142.21.882.7984579.TD ký ngày 27/01/2021. Phương thức cho vay từng lần dài hạn, hạn mức cho vay không vượt quá 11.000.000.000 VND với mục đích đầu tư dự án điện mặt trời mái nhà tổng công suất 996,83 kWp tại Thôn Suối Cối 1, xã Phú Mỹ, tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn cho vay tối đa 7 năm, thời hạn ân hạn gốc tối đa 2 tháng, không quá 28/02/2021. Lãi suất theo từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:
  - + Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty với Công ty điện lực địa phương.
  - + Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay.
  - + Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay.

(2) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 21/KHBL2-BDS-MNDA-SME/0518 ký ngày 24/01/2022. Tổng số tiền cho vay tối đa 13.192.976.999 VND, thời hạn cho vay 180 tháng với mục đích thanh toán một phần chi phí mua Biệt thự số A4-06A, khu C, loại biệt thự: đơn lập tại Dự án Khu Biệt thự, nhà vườn và thể thao giải trí tại Xã Tiến Yên, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán biệt thự số A4-06A/HĐMB/XC-XVL ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu ngày 30/07/2021. Công ty được ân hạn trả nợ gốc trong vòng 24 tháng, không vượt quá thời gian hỗ trợ lãi suất của chủ đầu tư (ngày 31/7/2023). Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành trong tương lai Biệt thự số A4-06A nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.12 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Khoản mục                | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng             |
|--------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                          | VND                    | VND                  | VND                               | VND                   |
| <b>01/01/2024</b>        | <b>38.850.000.000</b>  | -                    | <b>3.850.548.921</b>              | <b>42.700.548.921</b> |
| - Lãi trong năm trước    | -                      | -                    | 5.992.961.702                     | 5.992.961.702         |
| <b>31/12/2024</b>        | <b>38.850.000.000</b>  | -                    | <b>9.843.510.623</b>              | <b>48.693.510.623</b> |
| <b>01/01/2025</b>        | <b>38.850.000.000</b>  | -                    | <b>9.843.510.623</b>              | <b>48.693.510.623</b> |
| - Tăng vốn trong năm nay | 40.249.520.000         | (342.806.840)        | -                                 | 39.906.713.160        |
| - Lãi trong năm nay      | -                      | -                    | 4.519.462.606                     | 4.519.462.606         |
| - Phân phối lợi nhuận    | -                      | -                    | (9.099.520.000)                   | (9.099.520.000)       |
| + Tăng vốn điều lệ       | -                      | -                    | (9.099.520.000)                   | (9.099.520.000)       |
| <b>31/12/2025</b>        | <b>79.099.520.000</b>  | <b>(342.806.840)</b> | <b>5.263.453.229</b>              | <b>84.020.166.389</b> |

(\*) Công ty tăng vốn điều lệ bằng hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo các biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị và - Nghị quyết số 1303/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 13/03/2025 về việc kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Nghị quyết số 280703/2025/NQ-HĐQT-VMK ngày 28/07/2025 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 và các vấn đề liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                           | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                 |                 |
| + Vốn góp đầu năm         | 38.850.000.000  | 38.850.000.000  |
| + Vốn góp tăng trong năm  | 40.249.520.000  | -               |
| + Vốn góp giảm trong năm  | -               | -               |
| + Vốn góp cuối năm        | 79.099.520.000  | 38.850.000.000  |

**c) Cổ phiếu**

|                                        | 31/12/2025<br>CP | 01/01/2025<br>CP |
|----------------------------------------|------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 7.909.952        | 3.885.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 7.909.952        | 3.885.000        |
| + Cổ phiếu phổ thông                   | 7.909.952        | 3.885.000        |
| + Cổ phiếu ưu đãi                      | -                | -                |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                | -                |
| + Cổ phiếu phổ thông                   | -                | -                |
| + Cổ phiếu ưu đãi                      | -                | -                |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 7.909.952        | 3.885.000        |
| + Cổ phiếu phổ thông                   | 7.909.952        | 3.885.000        |
| + Cổ phiếu ưu đãi                      | -                | -                |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)       | 10.000           | 10.000           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                      | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Doanh thu</b>                     | <b>54.882.227.996</b> | <b>54.075.072.778</b> |
| - Doanh thu bán hàng hóa             | 47.186.533.240        | 44.936.071.343        |
| - Doanh thu bán điện mặt trời áp mái | 7.685.814.756         | 9.122.643.435         |
| - Doanh thu dịch vụ khác             | 9.880.000             | 16.358.000            |
| <b>Cộng</b>                          | <b>54.882.227.996</b> | <b>54.075.072.778</b> |

**6.2 Giá vốn hàng bán**

|                                    | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Giá vốn hàng hóa                 | 44.980.382.491        | 41.973.588.346        |
| - Giá vốn của điện mặt trời áp mái | 2.607.259.431         | 2.720.311.321         |
| - Giá vốn dịch vụ khác             | 9.500.000             | 15.580.000            |
| <b>Cộng</b>                        | <b>47.597.141.922</b> | <b>44.709.479.667</b> |

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                | Năm 2025<br>VND  | Năm 2024<br>VND |
|----------------|------------------|-----------------|
| - Lãi tiền gửi | 4.366.025        | 195.625         |
| <b>Cộng</b>    | <b>4.366.025</b> | <b>195.625</b>  |

**6.4 Chi phí tài chính**

|                   | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND      |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí lãi vay | 1.187.330.909        | 1.769.639.290        |
| <b>Cộng</b>       | <b>1.187.330.909</b> | <b>1.769.639.290</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                                  | Năm 2025             | Năm 2024             |
|--------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                  | VND                  | VND                  |
| <b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b> | <b>1.052.745.974</b> | <b>1.123.036.194</b> |
| - Chi phí nhân viên quản lý                      | 599.276.425          | 733.048.988          |
| - Chi phí vật liệu quản lý                       | 1.172.727            | -                    |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng                      | 78.340.259           | 5.769.045            |
| - Thuế, phí và lệ phí                            | 6.000.000            | 6.000.000            |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 99.045.400           | 362.137.991          |
| - Chi phí bằng tiền khác                         | 268.911.163          | 16.080.170           |
| <b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>             | <b>15.858.000</b>    | <b>65.802.678</b>    |
| - Chi phí nhân viên                              | -                    | 34.589.450           |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dùng                       | -                    | 2.558.334            |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ                          | -                    | 25.654.894           |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 15.858.000           | 3.000.000            |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>1.068.603.974</b> | <b>1.188.838.872</b> |

**6.6 Chi phí khác**

|                     | Năm 2025          | Năm 2024          |
|---------------------|-------------------|-------------------|
|                     | VND               | VND               |
| - Các khoản bị phạt | 32.949.258        | 14.035.323        |
|                     | <b>32.949.258</b> | <b>14.035.323</b> |

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|                                                                     | Năm 2025             | Năm 2024             |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                                     | VND                  | VND                  |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                            | <b>5.000.567.958</b> | <b>6.393.275.251</b> |
| <b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>                        | <b>96.807.258</b>    | <b>62.035.323</b>    |
| - Các khoản chi phí (phạt)                                          | 32.949.258           | 14.035.323           |
| - Các khoản chi phí không hợp lệ khác                               | 63.858.000           | 48.000.000           |
| <b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm</b>                            | <b>5.097.375.216</b> | <b>6.455.311.574</b> |
| Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%                 | 3.752.738.606        | 4.453.743.831        |
| Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%                 | 1.344.636.610        | 2.001.567.743        |
| <b>Thu nhập tính thuế</b>                                           | <b>5.097.375.216</b> | <b>6.455.311.574</b> |
| Thu nhập tính thuế với thuế suất 10%                                | 3.752.738.606        | 4.453.743.831        |
| Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%                                | 1.344.636.610        | 2.001.567.743        |
| <b>Thuế TNDN</b>                                                    | <b>456.564.252</b>   | <b>845.687.932</b>   |
| Theo mức thuế 10%                                                   | 187.636.930          | 445.374.383          |
| Theo mức thuế 20%                                                   | 268.927.322          | 400.313.549          |
| <b>Thuế TNDN được miễn</b>                                          | <b>(187.636.930)</b> | <b>(445.374.383)</b> |
| <b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>                                  | <b>268.927.322</b>   | <b>400.313.549</b>   |
| - Điều chỉnh khoản truy thu thuế sau kiểm tra, quyết toán thuế TNDN | 24.541.100           | -                    |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>            | <b>481.105.352</b>   | <b>400.313.549</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu (từ năm 2021 đến năm 2024), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo và thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2021 đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới sản xuất điện năng lượng mặt trời theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về ưu đãi thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                             | Năm 2025             | Năm 2024             |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
|                             | VND                  | VND                  |
| - Chi phí nguyên vật liệu   | 1.172.727            | 1.944.891.379        |
| - Chi phí nhân công         | 599.276.425          | 785.278.438          |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 2.446.967.304        | 2.472.622.194        |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 114.903.400          | 1.472.971.208        |
| - Chi phí bằng tiền khác    | 428.769.163          | 30.115.493           |
| <b>Cộng</b>                 | <b>3.591.089.019</b> | <b>6.705.878.712</b> |

**6.9 Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu****a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|                                                                       | Năm 2025      | Năm 2024      |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
|                                                                       | VND           | VND           |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 4.519.462.606 | 5.992.961.702 |
| Các khoản điều chỉnh:                                                 | -             | -             |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                               | 4.519.462.606 | 5.992.961.702 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)       | 6.533.098     | 3.885.000     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>                              | <b>692</b>    | <b>1.543</b>  |

**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

|                                                                   | Năm 2025             | Năm 2024             |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                                   | VND                  | VND                  |
| <b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>                            | <b>4.519.462.606</b> | <b>5.992.961.702</b> |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 4.519.462.606        | 5.992.961.702        |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ             | 6.533.098            | 3.885.000            |
| - Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành tăng thêm             | -                    | 3.115.000            |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                                 | <b>692</b>           | <b>856</b>           |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6.10 Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm: Lĩnh vực điện mặt trời áp mái và lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ.

| Chỉ tiêu                                                     | Lĩnh vực Kinh doanh thương mại và dịch vụ | Lĩnh vực điện mặt trời áp mái | Tổng cộng toàn Công ty |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|
| <b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>                                    |                                           |                               |                        |
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 47.200.779.265                            | 7.685.814.756                 | 54.886.594.021         |
| Khấu hao và chi phí phân bổ                                  | 45.911.057.856                            | 3.942.018.949                 | 49.853.076.805         |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>                     | <b>1.289.721.409</b>                      | <b>3.743.795.807</b>          | <b>5.033.517.216</b>   |
| <b>TÀI SẢN</b>                                               |                                           |                               |                        |
| Tài sản bộ phận                                              | 30.108.640.697                            | 46.669.524.074                | 76.778.164.771         |
| Tài sản không phân bổ                                        |                                           |                               | 49.138.481.178         |
| <b>Tổng tài sản</b>                                          |                                           |                               | <b>125.916.645.949</b> |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                                           |                                           |                               |                        |
| Nợ phải trả bộ phận                                          | 10.680.480.583                            | 9.173.167.276                 | 19.853.647.859         |
| Nợ phải trả không phân bổ                                    |                                           |                               | 22.042.831.701         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                                      |                                           |                               | <b>41.896.479.560</b>  |
| <b>Năm trước</b>                                             |                                           |                               |                        |
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 44.772.184.687                            | 9.303.083.716                 | 54.075.268.403         |
| Khấu hao và chi phí phân bổ                                  | 43.152.352.324                            | 4.515.605.505                 | 47.667.957.829         |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>                     |                                           |                               | <b>6.407.310.574</b>   |
| <b>TÀI SẢN</b>                                               |                                           |                               |                        |
| Tài sản bộ phận                                              | 11.748.168.166                            | 49.416.797.519                | 61.164.965.685         |
| Tài sản không phân bổ                                        |                                           |                               | 29.363.166.952         |
| <b>Tổng tài sản</b>                                          |                                           |                               | <b>90.528.132.637</b>  |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                                           |                                           |                               |                        |
| Nợ phải trả bộ phận cuối năm                                 | 12.989.693.918                            | 14.232.799.340                | 27.222.493.258         |
| Nợ phải trả không phân bổ                                    |                                           |                               | 14.612.128.756         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                                      |                                           |                               | <b>41.834.622.014</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin các bên liên quan***Danh sách bên liên quan*

| <b>Bên liên quan</b>  | <b>Mối quan hệ</b>                                      |
|-----------------------|---------------------------------------------------------|
| - Ông Trần Quốc Tuấn  | Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 16/06/2025) |
| - Ông Nguyễn Văn Toàn | Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 16/06/2025)   |
| - Ông Đỗ Văn Tuấn     | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/07/2025)              |

*Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm*

|                                                     |                                            | <b>Năm 2025<br/>VND</b> | <b>Năm 2024<br/>VND</b> |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị</b> |                                            | <b>96.000.000</b>       | -                       |
| Ông Nguyễn Văn Toàn                                 | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16/06/2025)        | 24.000.000              | -                       |
| Ông Trần Quốc Tuấn                                  | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16/06/2025)      | 24.000.000              | -                       |
| Ông Đỗ Văn Tuấn                                     | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/06/2025)    | 12.000.000              | -                       |
| Bà Hoàng Thị Ba                                     | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/06/2025)      | 12.000.000              | -                       |
| Bà Trần Thúy Loan                                   | Thành viên                                 | 24.000.000              | -                       |
| <b>Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát</b>     |                                            | <b>48.000.000</b>       | -                       |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương                             | Trưởng ban                                 | 24.000.000              | -                       |
| Bà Lê Hải Yến                                       | Thành viên                                 | 12.000.000              | -                       |
| Bà Phạm Thị Thanh Hương                             | Thành viên                                 | 12.000.000              | -                       |
| <b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>               |                                            | <b>110.212.500</b>      | <b>174.172.000</b>      |
| Ông Đỗ Văn Tuấn                                     | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/07/2025) | 70.766.300              | 137.572.000             |
| Bà Trịnh Tường Vi                                   | Kế toán trưởng                             | 39.446.200              | 36.600.000              |
| <b>Cộng</b>                                         |                                            | <b>254.212.500</b>      | <b>174.172.000</b>      |

**7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo, Ban Điều hành Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

Số ĐDD-248 đường Đại Dương, KĐT Vinhomes Oceanpark 2, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**7.3 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hưng Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Trịnh Tường Vi

Kế toán trưởng



Trịnh Tường Vi

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Toàn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

**Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2025**





# MỤC LỤC

|                                                                                                                                                       |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU .....                                                                                                                                     | 5  |
| I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....                                                                                                       | 5  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....                                                                                                                    | 5  |
| II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ..... | 6  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....                            | 6  |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....                                                                                               | 6  |
| III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....                                                                                      | 6  |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....                                                                                                          | 6  |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....                                                                                             | 14 |
| IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....                                                                                                      | 14 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....                                                                                                  | 14 |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....                                                                                                                     | 14 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....                                                                                                               | 15 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....                                                                                                                   | 15 |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) .....                                                                | 15 |
| V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....                                                                                                        | 16 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....                                                                                                   | 16 |
| VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....                                                                                                             | 16 |
| Điều 12. Quyền của cổ đông.....                                                                                                                       | 16 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....                                                                                                                   | 18 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....                                                                                                                    | 19 |
| Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                             | 20 |
| Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                              | 22 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền .....                                                                                                                     | 22 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông....                                                                | 23 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                       | 24 |
| Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....                                                                   | 25 |
| Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....                                                                        | 27 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....                                 | 27 |
| Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....                                                                                           | 29 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                     | 30 |
| VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....                                                                                                                          | 30 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....                                                                                              | 30 |

|                                                                                                                        |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....                                                 | 31 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....                                                              | 32 |
| Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....                                         | 33 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....                                                                               | 34 |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....                                                                          | 34 |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....                                                                    | 36 |
| Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....                                                                        | 36 |
| VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....                                                                      | 37 |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....                                                                                   | 37 |
| Điều 34. Người điều hành Công ty .....                                                                                 | 37 |
| Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc. ....                                           | 37 |
| IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....                                             | 38 |
| Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....                                                 | 38 |
| Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....                                                                                 | 38 |
| Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....                                                                                     | 39 |
| Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....                                                                      | 39 |
| Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....                                                                               | 40 |
| Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....                                 | 40 |
| X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ..... | 41 |
| Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....                                               | 41 |
| Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                                                                  | 42 |
| XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....                                                                       | 42 |
| Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....                                                                           | 42 |
| XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....                                                                                  | 43 |
| Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....                                                                              | 43 |
| XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....                                                                                        | 43 |
| Điều 46. Phân phối lợi nhuận .....                                                                                     | 43 |
| XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....                                                        | 43 |
| Điều 47. Tài khoản ngân hàng .....                                                                                     | 43 |
| Điều 48. Năm tài chính.....                                                                                            | 44 |
| Điều 49. Chế độ kế toán .....                                                                                          | 44 |
| XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....                                      | 44 |
| Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....                                                                  | 44 |
| Điều 51. Báo cáo thường niên .....                                                                                     | 44 |
| XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....                                                                                           | 44 |



|                                            |    |
|--------------------------------------------|----|
| Điều 52. Kiểm toán.....                    | 44 |
| XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....            | 45 |
| Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....         | 45 |
| XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....               | 45 |
| Điều 54. Giải thể công ty.....             | 45 |
| Điều 55. Gia hạn hoạt động.....            | 45 |
| Điều 56. Thanh lý.....                     | 45 |
| XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....     | 46 |
| Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ..... | 46 |
| XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....        | 47 |
| Điều 58. Điều lệ công ty.....              | 47 |
| XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....                    | 47 |
| Điều 59. Ngày hiệu lực.....                | 47 |

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-VMK ngày ..... tháng 03 năm 2024

## I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
  - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
  - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
  - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
  - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.



3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIMARKO JOINT STOCK COMPANY

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số ĐDD-248 Đường Đại Dương, KĐT Vinhomes OceanPark 2, Xã Nghĩa Trụ, Hưng Yên

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn

## **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1   | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế | 4659     |         |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|
|    | có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối                                                                                                                                                                                                                                                                |      |       |
| 2  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép (Loại trừ: kim loại quý)                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662 |       |
| 3  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663 |       |
| 4  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0118 |       |
| 5  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592 |       |
| 6  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                | 7730 |       |
| 7  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312 |       |
| 8  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3314 |       |
| 9  | Sản xuất điện. Chi tiết: trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3511 | Chính |
| 10 | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101 |       |
| 11 | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102 |       |
| 12 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4222 |       |
| 13 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4299 |       |
| 14 | Phá dỡ. Chi tiết: Trừ hoạt động nổ mìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |       |
| 15 | Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Trừ hoạt động nổ mìn                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |       |
| 16 | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321 |       |
| 17 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; (Loại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) | 6810 |       |
| 18 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510 |       |
| 19 | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                     | 7912 |       |
| 20 | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7911 |       |
| 21 | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                           | 7990 |       |
| 22 | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;                                                                   | 4932 |       |
| 23 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7110 |       |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|    | <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa chất thủy văn; Khảo sát hiện trạng công trình</li> <li>- Thiết kế bản vẽ thi công</li> <li>- Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Kiểm định xây dựng</li> <li>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kiến trúc trong đồ án xây dựng đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị; Thiết kế kiến trúc cảnh quan; Thiết kế nội thất; Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình; Đánh giá kiến trúc công trình; Thẩm định thiết kế kiến trúc.</li> </ul> |      |  |
| 24 | <p>Xây dựng công trình công ích khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình xử lý bùn.</li> <li>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đầu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4229 |  |
| 25 | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản</li> <li>- Dịch vụ tư vấn bất động sản</li> <li>- Kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch bất động sản</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6820 |  |
| 26 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2710 |  |
| 27 | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2731 |  |
| 28 | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2732 |  |
| 29 | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2733 |  |
| 30 | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2750 |  |
| 31 | <p>Sản xuất thiết bị điện khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;</li> <li>- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;</li> <li>- Sản xuất chuông điện;</li> <li>- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;</li> <li>- Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa);</li> <li>- Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục;</li> <li>- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);</li> </ul>                                                                                                                                                                                | 2790 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất máy triệt sự tràn;</li> <li>- Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện;</li> <li>- Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác;</li> <li>- Sản xuất máy thực hành gia tốc;</li> <li>- Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc;</li> <li>- Sản xuất súng cầm tay hàn sắt;</li> <li>- Sản xuất nam châm điện;</li> <li>- Sản xuất còi báo động;</li> <li>- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành;</li> <li>- Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay.</li> </ul> |      |  |
| 32 | Sản xuất máy thông dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2819 |  |
| 33 | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít<br>Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2022 |  |
| 34 | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2310 |  |
| 35 | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2393 |  |
| 36 | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2410 |  |
| 37 | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2431 |  |
| 38 | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0161 |  |
| 39 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0810 |  |
| 40 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1010 |  |
| 41 | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1020 |  |
| 42 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1410 |  |
| 43 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1629 |  |
| 44 | In ấn<br>Loại trừ: các loại hình Nhà nước cầm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1811 |  |
| 45 | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1812 |  |
| 46 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5229 |  |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
| 47 | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4741 |  |
| 48 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Loại trừ: kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5610 |  |
| 49 | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6190 |  |
| 50 | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6209 |  |
| 51 | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6311 |  |
| 52 | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6312 |  |
| 53 | Sản xuất mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Sản xuất xe đạp có một động cơ hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3091 |  |
| 54 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3100 |  |
| 55 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3311 |  |
| 56 | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3315 |  |
| 57 | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi;<br>- Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che;<br>- Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất;<br>- Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hóa, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự;<br>- Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự;<br>- Phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự.                                                                                                                                     | 3319 |  |
| 58 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3320 |  |
| 59 | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3700 |  |
| 60 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Chi tiết:<br>- Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học;<br>- Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân;<br>- Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học;<br>- Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ | 3900 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                       |      |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|    | biển;<br>- Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác;<br>- Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.                                                                                                        |      |  |
| 61 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ: Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                     | 4530 |  |
| 62 | Bán mô tô, xe máy<br>(Loại trừ: Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                      | 4541 |  |
| 63 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Loại trừ: Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                  | 4543 |  |
| 64 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây                                                                                                               | 4620 |  |
| 65 | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                    | 4632 |  |
| 66 | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát                                                                                                                                                      | 4633 |  |
| 67 | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào<br>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào                                                                                                                          | 4634 |  |
| 68 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn dụng cụ y tế     | 4649 |  |
| 69 | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                   | 4651 |  |
| 70 | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                    | 4652 |  |
| 71 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                | 4653 |  |
| 72 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |  |
| 73 | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                        | 4330 |  |
| 74 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                        | 4933 |  |
| 75 | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                             | 8230 |  |
| 76 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ sắp xếp thư                                                                                                              | 8299 |  |
| 77 | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại<br>- Dạy máy tính                                                | 8559 |  |
| 78 | Quảng cáo<br>Loại trừ: Quảng cáo thuốc lá                                                                                                                                                                             | 7310 |  |
| 79 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                              | 7410 |  |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
| 80  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7490 |  |
| 81  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710 |  |
| 82  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329 |  |
| 83  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4752 |  |
| 84  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322 |  |
| 85  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa ( Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610 |  |
| 86  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4641 |  |
| 87  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0119 |  |
| 88  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0121 |  |
| 89  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0128 |  |
| 90  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0129 |  |
| 91  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0131 |  |
| 92  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0132 |  |
| 93  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0150 |  |
| 94  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0162 |  |
| 95  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0210 |  |
| 96  | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0220 |  |
| 97  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0231 |  |
| 98  | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0232 |  |
| 99  | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0240 |  |
| 100 | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6399 |  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|     | Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |  |
| 101 | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1392 |  |
| 102 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2395 |  |
| 103 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5621 |  |
| 104 | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;<br>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.<br>- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp. | 5629 |  |
| 105 | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630 |  |
| 106 | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8129 |  |
| 107 | Bán buôn thiết bị chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669 |  |
| 108 | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7810 |  |
| 109 | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7820 |  |
| 110 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7830 |  |
| 111 | Dịch vụ hệ thống đảm bảo an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8020 |  |

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả; không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận tối đa, cải thiện điều kiện làm việc, tạo việc làm ổn định; nâng cao thu



nhập, đời sống của người lao động trong Công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo điều kiện để lao động trong Công ty và những người góp vốn được làm chủ thực sự; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 79.099.520.000 đồng (Bảy mươi chín tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.909.952 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tính đến thời điểm điều lệ này được thông qua, các cổ đông sáng lập đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của mình.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.



2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.



5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, ban kiểm soát
3. Tổng Giám đốc

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử



theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có



quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;



u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người





và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin



điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.



## **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.



a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.



## **Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm các nội dung sau: Sửa đổi bổ sung nội dung Điều lệ của Công ty; Định hướng phát triển Công ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;



c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.



2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;



g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty



## **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;



o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.



## **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

## **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.



11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;



- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm



soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.



## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.



### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.



5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.



3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 56. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ



định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vimarko nhất trí thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2025 tại đại hội cổ đông và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này và Nghị quyết HĐQT số 2209/2025/NQ-HĐQT ngày 22/09/2025 cùng chấp thuận hiệu lực của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**NGUYỄN VĂN TOẢN**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0108720772

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 05 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 02 tháng 10 năm 2025

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIMARKO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Số ĐDD-248 Đường Đại Dương, KĐT Vinhomes OceanPark 2, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0966 804 664

Số Fax:

Thư điện tử: vimarkogroup@gmail.com

Website: vimarko.vn

**3. Vốn điều lệ: 79.099.520.000 đồng.**

Bằng chữ: Bảy mươi chín tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 7.909.952

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN VĂN TOÀN

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 04/10/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 033090000637



Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hồng Châu, Xã Châu Ninh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam



**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Nguyễn Thị Thu Thủy*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIMARKO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2026/Ttr-HĐQT-VMK

Hưng Yên, ngày 10 tháng 06 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Vimarko**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vimarko;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vimarko

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Vimarko, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

| TT         | Nội dung                                         | Số tiền (đồng)       |
|------------|--------------------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:</b>        | <b>5.263.453.229</b> |
| 1          | Lợi nhuận các năm trước để lại                   | 743.990.623          |
| 2          | Năm 2025                                         | 4.519.462.606        |
| <b>II</b>  | <b>Kế hoạch phân phối lợi nhuận:</b>             | <b>4.745.971.200</b> |
| 1          | Chia cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu (6%/VDL)      | 4.745.971.200        |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại:</b> | <b>517.482.029</b>   |

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 về việc trích lập quỹ đầu tư phát triển (2%), khen thưởng phúc lợi (1%) và dự phòng tài chính (1%) Công ty không trích lập trong năm 2025 để dành vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cổ tức năm 2025 được chi trả bằng cổ phiếu, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp để thực hiện chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**VIMARKO**  
**NGUYỄN VĂN TOÀN**





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIMARKO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/2026/Ttr-HĐQT-VMK

Hưng Yên, ngày 10 tháng 06 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

*V/v: Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2025*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Vimarko.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động và kế hoạch đầu tư của Công ty Cổ phần Vimarko năm 2026 và các năm tiếp theo.

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh đến ngày 31/12/2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) đề xuất mức trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 6% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành, dự kiến là 474.597 cổ phiếu (tương đương 4.745.970.000 đồng).

Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vimarko kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2025 (Phương án phát hành đính kèm).
2. Thời điểm thực hiện: Do HĐQT quyết định sau khi được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua và sau khi được các cơ quan quản lý Nhà nước chấp thuận.
3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến phương án phát hành khi có yêu cầu của cơ quan quản lý theo quy định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HCNS, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN VĂN TOÀN**

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

Trụ sở chính: Số ĐDD-248 Đường Đại Dương, KĐT Vinhomes OceanPark 2,

Xã Nghĩa Trụ, Hưng Yên

Mã số thuế: 0108720772



## PHƯƠNG AN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2025

HÀ NỘI, THÁNG 06/2026





## CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO ĐỢT PHÁT HÀNH

Phương án phát hành cổ phiếu này được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Vimarko vào ngày 10/06/2026. Phương án này được xây dựng căn cứ vào:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Vimarko;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động và kế hoạch đầu tư của Công ty Cổ phần Vimarko năm 2026 và các năm tiếp theo.

Nay xây dựng phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2025 như sau:

### 1. Phương án phát hành

|                                                         |                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kế hoạch tăng vốn năm 2026                              | : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 (tỷ lệ phát hành: 6% vốn điều lệ tại thời điểm phát hành)                                                               |
| Tên cổ phiếu phát hành                                  | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vimarko                                                                                                                                  |
| Loại cổ phiếu                                           | : Cổ phiếu phổ thông                                                                                                                                                |
| Mệnh giá                                                | : 10.000 VNĐ/cổ phiếu                                                                                                                                               |
| Mã chứng khoán                                          | : VMK                                                                                                                                                               |
| Đối tượng phát hành                                     | : Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng cổ phiếu. |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành | : 7.909.952 cổ phiếu                                                                                                                                                |
| Tỷ lệ phát hành                                         | : Dự kiến 6%                                                                                                                                                        |
| Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành                     | : 474.597 cổ phiếu                                                                                                                                                  |
| Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá            | : 4.745.970.000 đồng                                                                                                                                                |
| Nguồn phát hành                                         | : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025                                                                                  |
| Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành                       | : 83.845.490.000 đồng                                                                                                                                               |
| Hình thức phát hành                                     | : Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025                                                                                                                            |
| Phương án làm tròn, phương án                           | : Số lượng cổ phiếu chia cho cổ đông hiện hữu sẽ được                                                                                                               |

xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có)

làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông sở hữu 1.057 cổ phiếu, số cổ phiếu trả cổ tức được nhận tạm tính là  $1.057 \times 0,06 = 63,42$  cổ phiếu. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,42 cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được hủy bỏ. Như vậy cổ đông sẽ nhận được 63 cổ phiếu mới.

Thời gian phát hành dự kiến

: Do HĐQT quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được UBCKNN chấp thuận

Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phát hành để trả cổ tức

: Không hạn chế

Phương thức phân phối

: - Đối với chứng khoán đã lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các công ty chứng khoán – nơi mở tài khoản lưu ký

- Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty Cổ phần Vimarko địa chỉ: Số ĐDD-248 Đường Đại Dương, KĐT Vinhomes OceanPark 2, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam vào các ngày làm việc trong tuần. Khi đến nhận cổ tức, cổ đông xuất trình Căn cước công dân hoặc Giấy tờ tùy thân hợp pháp và Giấy chứng nhận Sở hữu cổ phiếu.

Niêm yết bổ sung

: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức nêu trên sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng Khoán Việt Nam (VSD) theo đúng quy định của pháp luật.

## **2. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện:

- Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu chi tiết và lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. HĐQT thực hiện điều chỉnh “phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài” để phù hợp với tình hình thực tế khi triển khai phát hành cổ phiếu theo quy định (nếu có).
- Bổ sung, giải trình, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để phát hành cổ phiếu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục phát hành thực hiện công bố thông tin, báo cáo kết quả phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;



- Sửa đổi các điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo đúng mức vốn điều lệ tăng thêm sau khi kết thúc đợt phát hành và mọi vấn đề khác liên quan đến việc chào bán;
- Thực hiện hoàn thiện hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp –Sở tài chính thành Phố Hà Nội liên quan đến vốn điều lệ của Công ty và mọi vấn đề khác liên quan theo quy định của pháp luật;
- Triển khai các thủ tục cần thiết để hoàn thiện hồ sơ đăng ký lưu ký toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm của Công ty tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Thực hiện các công việc khác bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đợt phát hành thành công và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty, tuân thủ các quy định pháp luật.

Trên đây là các nội dung của phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN VĂN TOẢN**

